

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HSST

Ngày: 28/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quang Ngọc
2. Ông Vi Văn Thắng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vương Thị Choi: Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Chu Văn Tới: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2017/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2017 đối với:

Bị cáo Nông Văn K; sinh ngày 02 tháng 10 năm 1993 tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Nông Văn T, sinh năm 1966 và bà: Nông Thị T, sinh năm 1965; có vợ là Hoàng Thị B, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt giam từ ngày 25/5/2017 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1969 (đã chết) và ông Trịnh Văn H, sinh năm 1967. Cùng có địa chỉ: Khu Q, thôn X, xã Y, huyện P, tỉnh Lạng Sơn, ông H, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Bà Nông Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ông Phùng Đức C, sinh năm 1954. Địa chỉ: Khu Z, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nông Văn K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 4

năm 2015, tại nhà bà Hoàng Thị D ở khu Q, thôn X, xã Y, huyện P, tỉnh Lạng Sơn bị cáo Nông Văn K đã có hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 2.500.000 đồng và 60 NDT tiền Trung Quốc.

Tại Công văn số 356/NHNo-KTNQ ngày 21/12/2016 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố L về việc cung cấp tỷ giá nhân dân tệ xác định: Tỷ giá nhân dân tệ ngày 20/4/2015: Tỷ giá mua CK: 3.475; tỷ giá bán CK: 3.476.

Tại Bản cáo trạng số 29/KSĐT-TA, ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Văn K có hành vi phạm tội và lý lịch nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Cụ thể: Khoảng 08 giờ, ngày 20 tháng 4 năm 2015, bị cáo đến nhà bà Hoàng Thị D ở khu Q, thôn X, xã Y, huyện P, tỉnh Lạng Sơn để chơi với con trai bà D. Khi đi đến nhà bà D thấy không ai ở nhà, cửa chính không khóa nên bị cáo đã mở cửa vào trong nhà, thấy trong nhà có 01 chiếc tủ đứng, bị cáo đã mở tủ lấy số tiền polime và 60 NDT tiền Trung Quốc. Sau đó, bị cáo bắt xe ô tô ra thị trấn P, trên xe ô tô bị cáo đã đổi 10 NDT cho 01 người phụ nữ không quen biết được 30.000 đồng để trả tiền xe ô tô và bỏ số tiền polime ra đếm được là 2.500.000 đồng. Ra đến thị trấn bị cáo đã trả nợ 300.000 đồng cho một người tên là C (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể), rồi mua 600.000 đồng ma túy của Vũ Đình Đ để sử dụng và đến tiệm vàng CT đổi 50 NDT được 170.000 đồng. Chiều hôm đó bị cáo đã bắt xe khách về đến ngã 3 V, thị trấn L, huyện P gặp mẹ của mình là bà Nông Thị T và có đưa cho bà T số tiền 800.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo tiếp tục mua ma túy của Đ, chi tiêu cá nhân. Ngày 21/4/2015 khi bị bắt giữ lập biên bản bị cáo chỉ còn lại 15.000 đồng. Bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường trả lại số tiền đã lấy cho gia đình người bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người bị hại ông Trịnh Văn H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa cho biết: Ông là chồng của bà Hoàng Thị D, ngày 20/4/2015 khi ông đang đi làm thuê ở Trung Quốc thì vợ chồng ông bị mất trộm tiền. Cụ thể số tiền bị mất trộm bao nhiêu ông không trực tiếp chứng kiến, ông chỉ nghe các con nói lại là 4.700.000 đồng tiền Việt Nam và 60 NDT tiền Trung Quốc. Số tiền bị mất trộm là tài sản chung của ông và bà D, hiện bà D đã bị chết do ốm đau. Nay ông yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho gia đình ông số tiền 2.500.000 đồng và 60 NDT tiền Trung Quốc và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa cho biết: Bị cáo Nông Văn K là con trai của bà. Chiều ngày 20/4/2015, tại ngã 3 V, thị trấn L, huyện P, tỉnh Lạng Sơn Nông Văn K có đưa cho bà số tiền 800.000 đồng bảo bà đem đi trả nợ, khi đưa tiền Nông Văn K có nói đây là tiền do bị cáo đi làm thêm ở Trung Quốc mà có. Số tiền này bà chưa

đem đi trả nợ thì biết được đây là tiền do Nông Văn K trộm cắp mà có nên ngày 22/4/2015 bà đã giao nộp lại cho cơ quan Công an. Nay bà không có ý kiến hay yêu cầu gì về số tiền đã giao nộp đó, đề nghị Tòa án trả lại số tiền đó cho người bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Đức C tại cơ quan điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt cho biết: Ông là chủ tiệm vàng CT ở khu Z thị trấn P, huyện P, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 20/4/2015, ông có đổi 50 NDT tiền Trung Quốc được 170.000 đồng tiền Việt Nam cho một thanh niên không quen biết, tại thời điểm đổi ông không biết đây là tiền do phạm tội mà có. Sau đó 02 ngày ông mới biết người đổi tiền tên là Nông Văn K và tiền K đổi ở cửa hàng của ông là do trộm cắp mà có. Do vậy, ông đã giao nộp số tiền đó cho Cơ quan công an. Hiện bị cáo chưa trả lại ông 170.000 đồng nhưng ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền này.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo về tội ***"Trộm cắp tài sản"*** và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn K phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"***. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nông Văn K từ 09 đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự. Bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho ông Trịnh Văn H số tiền 1.719.750 đồng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại ông Trịnh Văn H 50 NDT và số tiền 815.000 đồng; truy thu của bị cáo 170.000 đồng do phạm tội mà có sung công quỹ Nhà nước. Do bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Nông Văn K trước phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 4 năm 2015, tại nhà bà Hoàng Thị D và ông Trịnh Văn H ở khu Q, thôn X, xã Y, huyện P, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Nông Văn K đã có hành vi trộm cắp tài sản số tiền tổng cộng là 2.708.500 đồng bao gồm 2.500.000 đồng tiền Việt Nam và 60 NDT tiền Trung Quốc ($3.475 \times 60 = 208.500$ đồng). Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Văn K phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về quyền tài sản của người khác, mà quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã trực tiếp và lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình gây ra là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân, mua ma túy về sử dụng cho bản thân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện với gia đình bạn của mình. Điều đó đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trên địa bàn dân cư. Do vậy, hành vi của bị cáo gây ra cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Để có mức án thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người trưởng thành nhưng là người nghiện chất ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà hôm nay cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm mà mình đã gây ra; lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản (Theo biên bản xác minh ngày 09/6/2017) nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị này là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Vũ Đình Đ là người bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, đối chất nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý hành vi của Vũ Đình Đ theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Gia đình người bị hại ông Trịnh Văn H yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 2.708.500 đồng bao gồm 2.500.000 đồng tiền Việt Nam và 60 NDT tiền Trung Quốc ($3.475 \times 60 = 208.500$ đồng). Yêu cầu của ông H đưa ra được bị cáo chấp nhận. Xét thấy thỏa thuận này là phù hợp với các quy định của pháp luật, thể hiện sự tự nguyện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền đang được gửi giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lạng Sơn sẽ được khấu trừ, bị cáo còn phải có trách nhiệm trả tiếp cho ông H số tiền 1.719.750 đồng.

Về xử lý vật chứng: Hiện vật chứng chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 7 năm 2017 gồm có: 01 phong bì niêm phong có 01 tờ tiền mệnh giá 50 NDT tiền Trung Quốc và 815.000 đồng. Áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy đây là số tiền bị cáo đã trộm cắp của gia đình chị D, anh H nên cần trả lại cho người bị hại.

Mặc dù người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phùng Đức C không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền 170.000 đồng (đôi 50 NDT tiền Trung Quốc), nhưng đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn K phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"***.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt giam là ngày 25 tháng 5 năm 2017.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự, Điều 274, 275, Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nông Văn K và ông Trịnh Văn H, cụ thể: Bị cáo Nông Văn K phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Trịnh Văn H (Địa chỉ: Khu Q, thôn X, xã Y, huyện P, tỉnh Lạng Sơn) số tiền 1.719.750 đồng (một triệu bảy trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Nông Văn K số tiền 170.000 đồng (một trăm bảy mươi nghìn đồng) do phạm tội mà có sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Trịnh Văn H (Địa chỉ: Khu Q, thôn X, xã Y, huyện P, tỉnh Lạng Sơn) số tiền 815.000 đồng (tám trăm mười năm nghìn đồng) tiền Việt Nam và 50 (năm mươi) NDT tiền Trung Quốc.

(Số tiền 50 NDT tiền Trung Quốc hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 7 năm 2017).

Số tiền 815.000 đồng hiện đang được gửi ở tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Lạng Sơn. Tài khoản số 3949.0.1054406.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện P theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 07 tháng 7 năm 2017).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng là 500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình;
- CCTHADS huyện Lộc Bình;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVLA;
- Lưu: Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoa